

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

19/04/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	340230	Trần Thị Hoà	3402	7	14	30	30	92	445	465	910	10.0
2	341532	Nguyễn Văn Thành	3415	7	21	20	16	60	340	270	610	10.0
3	340224	Nguyễn Bá Cường	3402	4	12	26	8	58	250	260	510	9.0
4	340306	Bùi Minh Ngọc	3403	5	10	13	9	53	170	230	400	
5	342141	Nguyễn Thị Cúc	3421	7	20	10	9	25	220	60	280	
6	341717	Nguyễn Thị Mai Phương	3417		13	12	14	31	180	95	275	
7	352446	Dương Thị Kiều Oanh	3524	7	7	23	24	64	320	300	620	10.0
8	350213	Nguyễn Thanh Bình	3502	6	14	14	11	54	215	235	450	8.0
9	351755	Nguyễn Thị Thuý	3517	6	13	17	13	41	245	160	405	
10	350532	Nguyễn Thị Hiền	3505	7	12	11	16	45	220	180	400	
11	351118	Đỗ Thị Bích	3511	5	10	11	11	40	170	150	320	
12	351841	Phạm Đăng Mạnh	3518	5	15	11	11	30	195	90	285	
13	350510	Hồ Thế Anh	3505	6	8	8	4	29	110	85	195	
14	350650	Phạm Thị Quỳnh Loan	3506	3	12	7	11	21	145	35	180	
15	361052	Nguyễn Phương Yến	3610	10	27	23	23	84	460	415	875	10.0
16	362367	Nguyễn Đăng Trung	3623	9	25	23	23	87	440	430	870	10.0
17	361066	Nguyễn Hải Yến	3610	5	27	26	26	79	465	390	855	10.0
18	360259	Trần Phương Linh	3602	10	22	22	27	74	445	360	805	10.0
19	360767	Lê Thị Yến Linh	3607	10	25	25	17	77	420	380	800	10.0
20	362316	Nguyễn Kim Thoa	3623	10	22	29	30	61	495	280	775	10.0
21	360506	Đinh Thu Hiền	3605	10	19	28	28	63	470	290	760	10.0
22	361047	Nguyễn Phương Thúy	3610	10	24	19	12	83	345	410	755	10.0
23	361540	Võ Thị Xuân Hương	3615	10	21	27	20	68	425	325	750	10.0
24	360736	Phan Thị Hương	3607	10	16	29	15	72	380	350	730	10.0
25	360232	Nguyễn Thị Vân Anh	3602	10	22	24	14	71	380	340	720	10.0
26	360962	Hoàng Hải An	3609	10	14	24	22	70	380	335	715	10.0
27	360556	Vũ Thị Thanh Hoà	3605	7	29	30	10	62	410	285	695	10.0
28	361763	Vũ Thị Hà	3617	9	24	18	20	63	385	290	675	10.0
29	362246	Nguyễn Thị Bình	3622	10	14	13	23	74	315	360	675	10.0
30	360801	Đỗ Thảo Uyên	3608	10	22	15	26	59	395	265	660	10.0
31	360933	Lê Thị Tính	3609	6	20	14	14	77	275	380	655	10.0
32	361904	Đặng Thị Kim Chung	3619	9	21	14	23	62	360	285	645	10.0
33	362439	Phan Thị Lý	3624	10	16	30	30	43	475	170	645	10.0
34	361426	Bùi Thị Huế	3614	10	21	20	11	65	325	305	630	10.0
35	361761	Hoàng Thị Ngọc Bích	3617	7	26	20	11	63	340	290	630	10.0
36	360363	Nguyễn Khánh Linh	3603	8	22	21	14	61	345	280	625	10.0
37	361721	Võ Thị Phúc	3617	7	22	18	9	70	290	335	625	10.0
38	362027	Bùi Thị Thanh	3620	9	24	30	30	37	495	130	625	10.0
39	360553	Đỗ Thị Thanh Tuyết	3605	9	17	15	30	51	385	220	605	10.0
40	360630	Nguyễn Thị Kiều Oanh	3606	4	22	20	15	62	320	285	605	10.0
41	360960	Nguyễn Minh Tâm	3609	6	20	21	10	66	295	310	605	10.0
42	361809	Đỗ Thị Ngọc	3618	8	21	11	9	74	245	360	605	10.0
43	361956	Nguyễn Thị Quyên	3619	7	18	15	29	54	370	235	605	10.0
44	361249	Trần Hoàng Hà	3612	7	22	17	12	64	300	300	600	10.0
45	362215	Trần Thị Hồng Nhung	3622	5	29	29	13	44	410	175	585	10.0
46	360618	Triệu Phương Thảo	3606	6	17	20	18	58	320	260	580	10.0
47	360741	Tạ Hoàng Minh Thế	3607	10	13	14	12	70	245	335	580	10.0
48	360841	Lê Tuấn Độ	3608	8	16	27	14	54	345	235	580	10.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

19/04/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	361834	Lê Thị Hương Nhụy	3618	10	15	10	11	72	220	350	570	9.5
50	360255	Đỗ Thiên Hoàng	3602	8	24	16	11	57	310	255	565	9.5
51	360562	Nguyễn Thị Hải Hà	3605	7	17	27	12	53	330	230	560	9.5
52	360819	Trần Thị Thu	3608	10	21	17	16	49	340	210	550	9.5
53	362049	Nguyễn Thị Thu Hương	3620	9	18	14	15	56	290	250	540	9.5
54	361861	Nghiêm Bảo Ngọc	3618	10	11	11	10	70	195	335	530	9.0
55	361748	Nguyễn Thị Hà Linh	3617	6	18	19	15	52	300	225	525	9.0
56	362035	Tạ Thị Bích Hạnh	3620	6	16	15	14	59	255	265	520	9.0
57	360836	Vũ Thị Thu Phương	3608	10	20	17	15	46	325	190	515	9.0
58	361867	Nguyễn Thị Hương Giang	3618	7	11	14	14	62	220	285	505	9.0
59	360957	Trần Thị Thanh Trang	3609	7	19	15	9	56	250	250	500	8.5
60	361102	Dương Linh Phương	3611	7	20	13	15	49	280	210	490	8.5
61	360628	Đào Thị Yến	3606	6	17	12	14	55	245	240	485	8.5
62	361765	Lê Hoàng Nhật Anh	3617	8	17	17	14	47	290	195	485	8.5
63	362214	Phạm Thị Hoàn	3622	6	14	10	6	67	165	320	485	8.5
64	360519	Nguyễn Thu Hương	3605	7	15	12	15	54	245	235	480	8.5
65	360847	Dương Thị Kim Mỹ	3608		14	13	12	64	180	300	480	8.5
66	362045	Phạm Thị ánh	3620	6	14	18	12	53	250	230	480	8.5
67	360368	Bùi Thị Thu Trang	3603	7	18	29	6	41	315	160	475	8.5
68	360439	Phạm Quang Huy	3604	6	17	17	14	48	275	200	475	8.5
69	361349	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	3613	7	13	28	11	41	310	160	470	8.0
70	362457	Cao Thu Hằng	3624	9	16	15	15	46	280	190	470	8.0
71	360110	Trần Minh Phương	3601	7	14	29	18	32	365	100	465	8.0
72	360239	Nguyễn Anh Tú	3602	7	23	16	12	41	300	160	460	8.0
73	360842	Phạm Hoàng Minh	3608	7	19	17	21	33	340	110	450	8.0
74	361061	Trần Thị Thủy Tiên	3610	8	17	17	9	47	255	195	450	8.0
75	361634	Nguyễn Phú Hào	3616	4	18	9	13	55	210	240	450	8.0
76	361840	Đỗ Thị Huệ	3618	7	27	16	8	40	300	150	450	8.0
77	362233	Lê Thị Yến	3622	10	27	10	15	36	325	125	450	8.0
78	360915	Nguyễn Thị Trang	3609	3	15	11	18	50	230	215	445	
79	362131	Phạm Việt Tùng	3621	7	19	12	13	46	255	190	445	
80	362341	Lê Thế Quyết	3623	6	10	13	7	61	165	280	445	
81	362359	Nguyễn Văn Trung	3623	4	22	14	14	43	275	170	445	
82	360258	Đặng Thế Anh	3602	7	11	20	11	47	245	195	440	
83	362048	Nguyễn Minh Thảo	3620	8	15	15	11	47	245	195	440	
84	361064	Trịnh Thu Hà	3610	8	15	23	20	29	350	85	435	
85	362434	Nguyễn Trí Tuấn	3624	5	12	19	9	50	215	215	430	
86	360734	Lê Quang Hưởng	3607	5	15	29	9	36	300	125	425	
87	360337	Lương Thị Ly	3603	7	12	13	16	45	240	180	420	
88	361261	Nguyễn Thị Tuyết	3612	6	25	14	13	35	300	120	420	
89	361444	Đinh Thị Yến	3614	8	14	10	14	48	220	200	420	
90	360835	Phạm Thị Hà Phương	3608	5	25	15	16	31	320	95	415	
91	360852	Bùi Thị Tú Anh	3608	5	16	16	17	36	275	125	400	
92	360924	Nguyễn Quỳnh Mai	3609	6	20	17	13	33	290	110	400	
93	362362	Nguyễn Thị Thu	3623	10	14	12	7	48	200	200	400	
94	360857	Phạm Cẩm Thủy	3608	5	16	18	7	44	220	175	395	
95	360509	Nghiều Văn Đại	3605	6	13	10	6	53	160	230	390	
96	360932	Vũ Thị Hà	3609	5	14	15	10	45	210	180	390	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

19/04/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	361264	Nguyễn Thị Hà	3612	8	22	17	10	31	295	95	390	
98	360234	Nguyễn Thiên Nam	3602	7	13	11	14	43	215	170	385	
99	361637	Nguyễn Thị Yến	3616	10	11	12	11	44	210	175	385	
100	362051	Phạm Thị Hồng	3620	5	17	11	13	41	220	160	380	
101	362018	Nguyễn Thị Dương	3620	4	13	10	11	48	175	200	375	
102	360613	Mạc Thị Dung	3606	4	14	13	17	37	240	130	370	
103	361428	Trần Thị Mỹ Hạnh	3614	7	17	14	13	34	255	115	370	
104	360825	Lưu Thị Thúy	3608	1	10	10	16	47	170	195	365	
105	361836	Vũ Thị Hằng	3618	4	14	10	13	44	190	175	365	
106	362064	Nguyễn Hữu Đức	3620	9	16	15	8	36	240	125	365	
107	362207	Nguyễn Thị Hậu Phương	3622	9	13	10	8	45	185	180	365	
108	360458	Lê Thị Thu Hằng	3604	4	13	16	14	37	230	130	360	
109	360654	Nguyễn Thị Phương Anh	3606	9	10	9	15	41	200	160	360	
110	360744	Nguyễn Huy Tuyển	3607	5	10	16	14	39	215	145	360	
111	361134	Nguyễn Công Bách	3611	8	12	13	12	39	215	145	360	
112	361320	Đoàn Thanh Hương	3613	8	17	14	14	30	270	90	360	
113	361633	Đinh Thị Thuý Vân	3616	9	14	15	9	37	230	130	360	
114	362025	Trương Thị Thu Trang	3620	6	14	14	10	39	210	145	355	
115	360635	Nguyễn Thị Huệ	3606	4	12	10	14	42	185	165	350	
116	360742	Trần Thị Thuý Dương	3607	5	18	7	8	42	175	165	340	
117	361835	Trần Thị Huệ	3618	7	9	18	10	37	210	130	340	
118	361419	Nông Thị Vân Anh	3614	7	19	12	8	34	220	115	335	
119	361027	Nguyễn Thị Quỳnh Đông	3610	6	10	10	13	40	180	150	330	
120	361202	hoàng khánh linh	3612	6	18	8	12	34	210	115	325	
121	362239	Trịnh Thị Loan	3622	4	14	9	7	43	150	170	320	
122	361155	Trần Chung Kiên	3611	10	16	6	11	34	200	115	315	
123	360338	Nguyễn Thị Mai Hương	3603	5	12	10	17	32	210	100	310	
124	361627	Trịnh Lê Nhung	3616	6	10	11	12	34	180	115	295	
125	360156	Nguyễn Thị Khánh Huyền	3601	6	11	12	14	29	200	85	285	
126	361841	Vũ Mai Lê	3618	5	13	7	10	36	160	125	285	
127	362056	Nguyễn Thế Thức	3620	4	15	9	10	33	175	110	285	
128	360326	Lê Thị Kim Anh	3603	6	15	13	9	28	200	80	280	
129	362202	Dương Thị Thúy	3622	6	16	10	10	29	195	85	280	
130	361844	Đỗ Thị Mai Duyên	3618	10	11	15	6	28	195	80	275	
131	360407	Vũ Kiều Trang	3604	6	9	8	9	37	140	130	270	
132	362536	Vũ Phương Dung	3625	5	12	10	7	35	150	120	270	
133	361813	Dương Thị Linh	3618	9	10	10	13	27	195	70	265	
134	362060	Phạm Thị Thu	3620	5	13	9	9	32	165	100	265	
135	361459	Nguyễn Hùng Cường	3614	9	9	6	8	33	140	110	250	
136	361722	Nguyễn Thị Hương Giang	3617	5	11	10	9	27	160	70	230	
137	361136	Lại Thị Thu Thảo	3611	1	10	6	7	36	95	125	220	
138	361445	Lê Thị Yến	3614	4	13	8	9	27	150	70	220	
139	361833	Lê Thị Hà Linh	3618	2	14	7	7	30	130	90	220	
140	362313	Lê Thị Lý	3623	3	12	7	8	29	130	85	215	
141	362057	Hà Quang Lộc	3620	4	11	14	5	24	150	50	200	
142	362115	Lê Trọng Tân	3621	4	11	9	10	24	150	50	200	
143	361418	Nguyễn Thị Thu Trang	3614		12	5	6	27	90	70	160	
144	360735	Trịnh Thị Hồng Thuỷ	3607	2	8	4	6	27	75	70	145	

Ca thi :

19/04/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	362361	Võ Duy Kiên Sơn	3623	8				37	15	130	145	
146	362342	Nguyễn Ngọc Quý	3623	4	8	7	5		95		95	
147	360331	Phạm Thị Cúc	3603									
148	360949	Bùi Phương Anh	3609									
149	361012	Đặng Thị Thu Trang	3610									
150	361243	Đào Ngọc Sơn	3612									
151	361258	Hoàng Việt Anh	3612									
152	361940	Trần Thành Đạt	3619									
153	361945	Nguyễn Ngọc Chung	3619									
154	391437	Đặng Trung Nghĩa	3914									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU